

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2.

1. Giao Sở Giao thông Vận tải công bố danh sách các loại bến xe trên địa bàn tỉnh để các đơn vị quản lý, kinh doanh khai thác bến xe có căn cứ tổ chức thực hiện, đồng thời kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

2. Giao Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh hướng dẫn các đơn vị khai thác kinh doanh bến xe về biên lai, ấn chỉ; chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng theo quy định.

3. Các đơn vị khai thác bến xe, đơn vị vận tải tham gia vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, đơn vị vận tải vận chuyển hàng hóa từ các bến xe có trách nhiệm thu, nộp tiền đúng giá dịch vụ đã được quy định tại Khoản 2 Điều 1

Quyết định này và thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 30/2011/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông Vận tải; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /-/

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- TT Công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Việt



**BIỂU GIÁ DỊCH VỤ XE RA, VÀO BẾN XE Ô TÔ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 71 /2015/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

I. Quy định chung:

1. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô: là số tiền mà các đơn vị kinh doanh vận tải phải trả cho đơn vị khai thác bến xe khi đưa xe vào bến để hoạt động.

2. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô áp dụng đối với các đơn vị khai thác bến xe, đơn vị vận tải tham gia vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, đơn vị vận tải vận chuyển hàng hóa từ các bến xe trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

II Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô (đã bao gồm thuế GTGT):

1. Đối với bến xe Loại 1:

a) Giá dịch vụ xe xuất bến:

ĐVT: đồng/ghế xe, giường nằm.

Số TT	Cự ly vận chuyển (km)	Trọng tải xe			
		Đến 16 chỗ ngồi	Từ 17 đến 30 chỗ ngồi	Trên 30 chỗ ngồi	Xe giường nằm
I	Xe chạy tuyến nội tỉnh				
1	Cự ly < 100 km	1.500	2.000	2.500	3.500
2	Cự ly ≥ 100 km	2.000	2.500	3.500	4.000
II	Xe chạy tuyến liên tỉnh				
1	Cự ly < 500 km	2.700	3.500	4.500	5.500
2	Cự ly ≥ 500 km	3.000	4.000	5.500	6.500

b) Giá dịch vụ xe vào bến:

Số TT	Hình thức hoạt động	Mức thu (đồng/lượt xe)
1	Xe chạy tuyến nội tỉnh	10.000
2	Xe chạy tuyến liên tỉnh, xe vắng lái	
	- Xe dưới 30 chỗ	10.000

- Xe từ 30 chỗ ngồi chở lên	15.000
-----------------------------	--------

c) Giá thu xe taxi, xe chở hàng ra, vào bến:

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (đồng/lượt xe)
1	Xe máy (hai bánh, ba bánh)	2.000
2	Xe taxi, xe từ 4 đến 9 chỗ, xe tải nhỏ dưới 0,5 tấn	5.000
3	Xe từ 10 đến 12 chỗ, xe tải từ 0,5 đến 1,5 tấn	15.000
4	Xe từ 13 đến 30 chỗ, xe tải trên 1,5 tấn đến 3,5 tấn	20.000
5	Xe trên 30 chỗ, xe tải trên 3,5 tấn	25.000

d) Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe thu theo trọng tải ghế (hoặc giường nằm) xe ghi trong sổ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (không gồm ghế lái xe và phụ xe).

2. Đối với bến loại 2, 3, 4, 5 và 6:

- Bến xe loại 2: bằng 90% bến xe loại 1.
- Bến xe loại 3: bằng 80% bến xe loại 1.
- Bến xe loại 4: bằng 70% bến xe loại 1.
- Bến xe loại 5: bằng 60% bến xe loại 1.
- Bến xe loại 6: bằng 50% bến xe loại 1.

III. Tổ chức thực hiện:

Các đơn vị khai thác bến xe, đơn vị vận tải tham gia vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, đơn vị vận tải vận chuyển hàng hóa từ các bến xe có trách nhiệm thu, nộp tiền đúng giá dịch vụ đã được quy định tại phần II và III trên đây và thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định./-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đoàn Văn Việt